THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 733/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020 nhằm phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, bền vững, đưa Thái Bình trở thành tỉnh có trình độ phát triển ở mức khá của Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2. Phát triển nhanh các ngành kinh tế, tạo ra bước đột phá về chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất trong từng ngành, từng lĩnh vực, gắn sản xuất với thị trường; nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm, các doanh

nghiệp và toàn nền kinh tế. Tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ; coi trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, quy mô hàng hóa lớn, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển mạnh và toàn diện kinh tế biển, nhanh chóng tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh, tranh thủ lợi thế từ bên ngoài, gắn Thái Bình trong mối quan hệ tổng thể với các tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng, các đô thị của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ để thu hút vốn đầu tư và công nghệ mới, nhất là cho phát triển công nghiệp và dịch vụ.

3. Phát huy yếu tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ các tỉnh, khuyến khích mọi người cùng làm giàu chính đáng cho mình và xã hội.

4. Gắn chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế với chỉ tiêu công bằng xã hội nhằm trước hết tạo công ăn việc làm, giảm nghèo và nâng cao mức sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Quan tâm thỏa đáng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội đối với khu vực nông thôn, phấn đấu giảm hộ nghèo tới mức thấp nhất.

5. Phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường sinh thái và khai thác tài nguyên hợp lý, hiệu quả. Kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh Thái Bình đến năm 2020 có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đồng thời nâng cao chất lượng tăng trưởng. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, công nghệ cao, gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển công nghiệp với nhịp độ tăng trưởng cao, mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

Phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2020 Thái Bình trở thành tỉnh nông thôn mới, có nền nông nghiệp và công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 13,5%/năm; trong đó khu vực nông lâm ngư nghiệp tăng khoảng 4,1%/năm; công nghiệp, xây dựng tăng khoảng 20,8%/năm và khu vực dịch vụ tăng khoảng 13,2%/năm. Giai đoạn 2016 - 2020 mức tăng trưởng kinh tế là 13%/năm.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế để đến năm 2015 tỷ trọng các ngành nông lâm ngư chiếm khoảng 24,7%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,3% và khu vực dịch vụ chiếm khoảng 35%. Đến năm 2020 các tỷ lệ tương đương là 20%, 45% và 35%.

- Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn năm 2015 là 818 triệu USD, tăng 89% so với năm 2010; đến năm 2020 là 1.580 triệu USD. Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người năm 2015 đạt khoảng 450 USD, đến năm 2020 đạt trên 800 USD.

- Tăng thu ngân sách nhằm đảm bảo các nhiệm vụ chi của tỉnh và từng bước có tích lũy. Phấn đấu năm 2015 tỷ lệ thu ngân sách đạt khoảng 17% GDP và năm 2020 đạt 19% GDP.

- Tổng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 45% GDP, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 40 - 41% GDP.

- GDP bình quân đầu người đạt khoảng 41,3 triệu đồng năm 2015 và khoảng 74,3 triệu đồng năm 2020.

b) Về phát triển xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số chung đạt 0,37% thời kỳ 2011 - 2015, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 0,72%.

- Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 34%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong tổng số lao động khoảng 67%.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 55% trong đó đào tạo nghề đạt 41,5%, đến năm 2020 khoảng 60 - 65%. Đến năm 2015, có 80% lao động có việc làm sau khi đào tạo.

- Đến năm 2015, phấn đấu đạt các chỉ tiêu: 8 bác sĩ, 1,5 dược sĩ, 22 giường bệnh/1 vạn dân (đến năm 2020 là 25 giường bệnh/1 vạn dân); giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi xuống dưới 15%.

- Giảm hộ nghèo hàng năm khoảng 1% trở lên.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đến năm 2015 có 100% dân cư đô thị và 90% dân cư nông thôn sử dụng nước sạch; 70% các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 100% các khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, thu gom và xử lý chất thải rắn đạt 100% ở khu vực thành thị và đạt 80% ở khu vực nông thôn; xử lý trên 60% chất thải rắn nguy hại và 100% chất thải bệnh viện.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là ở khu vực biển và ven biển của tỉnh.

III. CÁC LĨNH VỰC TRỌNG ĐIỂM

1. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn bền vững, hiệu quả cao. Phát triển toàn diện nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, có công nghệ, chất lượng và năng suất cao; đẩy mạnh xây dựng đồng bộ nông thôn mới.

2. Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi, tập trung thu hút các dự án đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ; ưu tiên các dự án lớn, công nghệ cao nhằm tạo đột phá về thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và huy động mọi nguồn lực cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng Khu kinh tế ven biển Thái Bình và đẩy nhanh đô thị hóa; đầu tư nâng cấp một số hệ thống giao thông quan trọng, các tuyến hành lang ven biển tạo sự kết nối thuận lợi cho giao thương hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội.

4. Đổi mới tư duy kinh tế, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo hướng thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chú trọng xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, hiệu quả, bền vững theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu giai đoạn 2011 - 2015 tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đạt bình quân 3,4%, ngành thủy sản tăng 9,8%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 nông nghiệp tăng 2,6%/năm, thủy sản tăng 6,5%/năm.

Đến 2020 tỷ trọng giá trị sản xuất ngành trồng trọt (theo giá cố định) chiếm 47,2%, tỷ trọng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi chiếm 50,6% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Đến năm 2020 giá trị sản xuất ngành thủy sản chiếm 18,6% trong tổng giá trị sản xuất ngành nông lâm thủy sản. Tăng tỷ suất hàng hóa khoảng 40 - 45% vào năm 2015 và 45 - 55% vào năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu ngành nông nghiệp chiếm 12 - 15% kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

Phấn đấu giá trị gia tăng trên mỗi ha đất nông nghiệp đạt 60 triệu đồng vào năm 2015 và năm 2020 đạt khoảng 70 triệu đồng. Lao động trong nông nghiệp khoảng 422 nghìn năm 2015 và năm 2020 khoảng 348 nghìn, chiếm 33% trong cơ cấu lao động xã hội.

- Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới; xây dựng 1 - 2 khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Tập trung chuyển đổi sang các loại cây nông sản có giá trị hàng hóa cao; thực hiện dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất và chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển vụ đông, đến năm 2015 đạt 50% và năm 2020 đạt 50 - 55% trở lên so với diện tích đất canh tác của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, hiệu quả và chất lượng cao; hình thành các vùng chăn nuôi tập trung có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo vệ sinh môi trường. Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất giống cây, con để chủ động giống chất lượng cao cung cấp cho nhu cầu trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Tiếp tục trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển, cải tạo môi trường sinh thái vùng cửa sông, cửa biển

2. Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 tăng 20,7%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng 17,5%/năm. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đến năm 2015 là 40,3%, đến năm 2020 là 45% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, hiện đại, tạo ra nguồn thu cao cho ngân sách; các ngành công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm gắn liền với phát triển vùng nguyên liệu nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn. Giảm dần sơ chế, tăng cường chế biến sâu, tích cực đầu tư công nghệ chế biến sâu để tạo ra những sản phẩm hàng hóa tiêu dùng cuối cùng nhằm tăng nhanh giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp và tăng giá trị xuất khẩu của tỉnh.

- Phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên đặc biệt là lợi thế khí đốt của tỉnh và bảo vệ môi trường. Hạn chế phát triển sản xuất gạch tuynen đất nung; tận dụng nguồn tro, xỉ của Trung tâm điện lực Thái Bình để sản xuất vật liệu xây dựng. Tiến hành khai thác đưa khí thiên nhiên từ các mỏ khí ở Vịnh Bắc bộ vào phục vụ sản xuất công nghiệp và triển khai thử nghiệm dự án khai thác than nâu theo phương pháp than hóa khí để đầu tư một số nhà máy sản xuất điện, phân đạm, xi măng trắng, xi măng chịu nhiệt, chịu axit và các loại vật liệu xây dựng cao cấp khác.

- Hướng tới phát triển công nghiệp cơ khí - điện, điện tử trở thành ngành công nghiệp quan trọng, có giá trị gia tăng lớn. Phát triển một số ngành công nghiệp nặng tại các vùng bãi ven biển để khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Cải tạo, nâng cấp các nhà máy đóng tàu hiện có để đóng và sửa chữa tàu vỏ thép trọng tải từ 7.000 ÷ 10.000 tấn, sà lan Lash... tại Diêm Điền. Xây dựng công nghiệp phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp tàu thủy và các ngành công nghiệp khác của tỉnh.

- Hoàn thành xây dựng Trung tâm điện lực Thái Bình tại xã Mỹ Lộc huyện Thái Thụy. Phát triển dệt may Thái Bình phù hợp chiến lược phát triển ngành dệt may Việt Nam, trong thế cạnh tranh và hội nhập. Xây dựng cơ sở sản xuất phụ kiện dệt may tại thành phố Thái Bình. Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề dệt may tại các huyện, tạo sự phát triển hài hòa kinh tế giữa các địa phương.

Dự kiến quy hoạch đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 15 khu công nghiệp với tổng diện tích là 3.172 ha và 43 cụm công nghiệp, tổng diện tích 1.226 ha. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp. Trong giai đoạn 2011 - 2020 quy hoạch ở mỗi huyện, thành phố từ 3 - 5 cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển làng nghề theo chiều sâu để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp và các nghệ nhân trong làng nghề để duy trì và mở rộng các làng nghề hiện có và du nhập thêm nghề mới, tạo thêm việc làm cho lao động tại địa phương. Phát triển vùng nguyên liệu cho nghề và làng nghề, sản xuất hàng xuất khẩu, nghề ít gây ô nhiễm môi trường.

3. Về thương mại và dịch vụ

- Tổng mức lưu chuyển bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đến năm 2015 đạt 36.000 tỷ đồng và năm 2020 đạt 66.800 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 20,6%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 là 13,12%/năm.

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 818 triệu USD và năm 2020 đạt 1.580 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,5%/năm, giai

đoạn 2016 - 2020 là 14%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu đến năm 2015 là 652 triệu USD và năm 2020 đạt 1.050 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 9%/năm

- Xây dựng hệ thống thương mại trên địa bàn tỉnh, đặc biệt chú trọng tới phát triển thị trường nông thôn, phát triển các chợ đầu mối để thu mua sản phẩm của người nông dân.

Xây dựng phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại tại thành phố Thái Bình và các trung tâm huyện lỵ, thị trấn. Đến năm 2020 toàn tỉnh xây dựng khoảng 40 siêu thị và 14 trung tâm thương mại. Thực hiện quy hoạch chợ trên địa bàn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ tốt đời sống nhân dân.

Thực hiện quy hoạch xăng dầu trên địa bàn, quy hoạch cảng tiếp nhận và kho chứa xăng dầu - khí đốt hóa lỏng.

- Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tạo ra sản phẩm độc đáo mang bản sắc riêng của Thái Bình, đặc biệt là các sản phẩm du lịch sinh thái và du lịch văn hóa lịch sử. Tập trung đẩy mạnh đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch. Xây dựng Khu du lịch Đồng Châu, Cồn Đen, Cồn Vành. Phấn đấu thu nhập từ du lịch giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 25,4%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 27,2%/năm.

- Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và các dịch vụ khác, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

4. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Về dân số và lao động

- Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tốc độ tăng dân số bình quân thời kỳ 2011 - 2015 giữ mức ổn định 0,37%/ năm, giai đoạn 2016 - 2020 dự tính mức 0,72%/năm.

Dự kiến dân số tỉnh Thái Bình đến năm 2015 là 1.820 nghìn người và năm 2020 khoảng 1.887 nghìn người.

- Đào tạo nguồn lực lao động có chất lượng đáp ứng yêu cầu lao động kỹ thuật đa dạng của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa; nhu cầu khu công nghiệp, xuất khẩu lao động và nhu cầu khác. Phấn đấu lao động qua đào tạo, trong đó đào tạo nghề thời kỳ 2011 - 2015 là 55% và 41,5%; thời kỳ 2016 - 2020 là 65% và 51,5%. Phấn đấu hàng năm có số lao động bình quân đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài là 2.500 - 3.000 lao động.

b) Về giáo dục và đào tạo

- Đến năm 2020 huy động 70 - 75% số cháu trong độ tuổi vào nhà trẻ, 100% số cháu trong độ tuổi được học mẫu giáo; 80% trường mầm non, 100% trường Tiểu học, 100% trường Trung học cơ sở, 70% trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Phát triển hệ thống giáo dục mầm non theo 3 loại hình trường, lớp (công lập, dân lập, tư thục); hoàn thành phổ cập mẫu giáo 5 tuổi trong giai đoạn 2011 - 2015; từng bước phổ cập giáo dục trung học.

Xây dựng, phát triển 1 trường đại học của tỉnh; hoàn chỉnh đầu tư một số trường phổ thông theo hướng chuẩn hóa. Đầu tư nâng cấp trường trung học phổ thông Chuyên Thái Bình; phát triển trưởng trung học cơ sở chất lượng cao ở các huyện, thành phố; hoàn thành kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ giáo viên vào năm 2015.

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo nghề. Phấn đấu sớm đáp ứng đủ các tiêu chí để nâng cấp các trường trung cấp dạy nghề Thái Bình, trường trung cấp nghề cho người khuyết tật lên trường Cao đẳng nghề. Phấn đấu đến năm 2020 các trường chuyên nghiệp, dạy nghề thu hút mỗi năm 3 vạn học sinh; nâng tỷ lệ người lao động qua đào tạo lên 65%, trong đó đào tạo nghề khoảng 51,5%.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các Trung tâm học tập cộng đồng, tạo điều kiện cho mọi người được học tập thường xuyên, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội học tập.

c) Về y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Đảm bảo cho mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; từng bước thực hiện công bằng trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, nhất là trong các dịch vụ khám chữa bệnh. Quan tâm chăm lo sức khỏe cho các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, người cao tuổi, phụ nữ, người tàn tật, người không nơi nương tựa và trẻ em, đặc biệt là trẻ em dưới 6 tuổi.

- Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư khoảng 2,45% vào năm 2015 và 2% vào năm 2020. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi dưới 15%.

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng về thuốc, vật tư, trang thiết bị cho các cơ sở y tế đáp ứng các hoạt động thường xuyên và đột xuất. Củng cố, kiện toàn hệ thống y tế, phấn đấu đến hết năm 2012 đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế về chuyên môn, y đức.

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, phát triển kỹ thuật chuyên sâu; từng bước xây dựng ngành y tế phát triển toàn diện, chính quy và hiện đại. Phấn đấu đạt tỷ lệ: 8 bác sỹ, 1,5 dược sỹ đại học và 22 giường bệnh/10.000 dân; tỷ lệ bác sỹ/điều dưỡng là 1/2,5.

Phát triển hệ thống y học cổ truyền, tiếp tục đầu tư cho Bệnh viện Y học cổ truyền, củng cố và phát triển bộ môn y học cổ truyền của trường Cao đẳng Y tế, đẩy mạnh hoạt động y học cổ truyền tại tuyến xã. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm chăm sóc sức khỏe ưu việt và Trung tâm công nghiệp dược ở thành phố Thái Bình.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cấp trang thiết bị cho các trạm y tế cơ sở theo qui định chuẩn quốc gia. Hoàn thiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa các huyện, thành phố. Hoàn thiện đầu tư Trung tâm y tế dự phòng đạt chuẩn quốc gia.

Hoàn thiện đầu tư xây dựng Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện điều dưỡng - phục hồi chức năng. Trên cơ sở quy hoạch ngành, từng bước đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa 700 - 1.000 giường, Bệnh viện tâm thần; Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Mắt, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 tại địa điểm mới.

d) Về văn hóa, thể thao

- Phấn đấu đến năm 2020: 90% gia đình, 65% thôn, làng; 90% cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa. Tăng thời lượng và chất lượng phát thanh, truyền hình địa phương.

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở văn hóa thể thao. Hình thành các điểm vui chơi giải trí ở khu trung tâm. Phấn đấu đến năm 2020, 100% các huyện, thành phố có trung tâm văn hóa - thể thao, thư viện, sân bãi thể thao, nhà truyền thống và khu vui chơi giải trí, đội thông tin lưu động phù hợp với Quy hoạch phát triển hệ thống văn hóa cơ sở và quy hoạch phát triển thể thao; 100% thôn làng có nhà văn hóa; 100% các nhà văn hóa xã, phường, thị trấn được củng cố nâng cấp, đầu tư trang thiết bị nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Hoàn thành đầu tư đền thờ các vua Trần (Hưng Hà), Lăng Thái sư Trần Thủ Độ, Khu lưu niệm Bác Hồ (xã Tân Hòa - Vũ Thư), Khu di tích Nhà Trần (A Sào - Quỳnh Phụ). Đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao; 100% trường học thực hiện đúng, có chất lượng giảng dạy nội, ngoại khóa môn Thể dục thể thao. Hoàn thành khu liên hợp thể thao tại xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình.

5. Về phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Đối với các công trình giao thông thuộc Trung ương quản lý nằm trên địa bàn tỉnh: Tỉnh phối hợp với Bộ Giao thông vận tải từng bước triển khai thực hiện theo quy hoạch xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường bộ và một số cầu chủ yếu trên đường bộ:

+ Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, tuyến Quốc lộ ven biển đi qua Thái Bình. Quốc lộ 39A từ cầu Vô Hối - Diêm Điền, quốc lộ 37 (đoạn từ thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy đi Hải Phòng) theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

+ Quy hoạch xây dựng các cầu trên đường bộ: Cầu Hồng Quỳnh, cầu trên tuyến quốc lộ ven biển, cầu trên đường cao tốc Ninh Bình - Quảng Ninh.

+ Quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng 1.000 tấn tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy (phục vụ cho Trung tâm Điện lực Thái Bình); cảng 1.000 tấn tại xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư (phục vụ cho Tổng kho Xăng dầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

- Các công trình do địa phương quản lý: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường bộ, một số cầu và cảng chủ yếu:

+ Đường nối Hà Nam - Thái Bình với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, quy mô theo tiêu chuẩn cấp I đồng bằng; đường phía Nam thành phố Thái Bình với quy mô cấp II đồng bằng; đường 39B từ thị trấn Thanh Nê - Diêm Điền theo tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

+ Cải tạo, nâng cấp một số đường tỉnh: ĐT.458, ĐT.452, ĐT.455, ĐT.396B, ĐT.454, ĐT.457, ĐT.462, ĐT.465 và một số tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

+ Quy hoạch xây dựng các cầu trên đường bộ: Cầu Tịnh Xuyên, cầu Hồng Tiến, cầu Sa Cao, cầu trên đường vành đai phía Nam thành phố Thái Bình.

+ Cải tạo và nạo vét luồng lạch cảng biển Diêm Điền đủ điều kiện cho tàu 10.000 tấn ra vào; quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng Trà Lý 1.000 tấn tại xã Đông Quý, huyện Tiền Hải.

+ Quy hoạch xây dựng các bến bãi đỗ xe đảm bảo đáp ứng năng lực vận tải trong tỉnh.

+ Quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng sông: Cảng Hiệp quy mô 300 tấn tại xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ và bến thủy nội địa tại khu công nghiệp Cầu Nghìn, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ.

b) Về cấp điện và cấp, thoát nước

- Sản lượng điện thương phẩm cung cấp cho tỉnh tăng bình quân 23,18% giai đoạn 2011 - 2015, tăng 17,67% giai đoạn 2016 - 2020; đầu tư đồng bộ nâng cấp, xây mới hệ thống cấp điện đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là các khu công nghiệp và đô thị tập trung.

- Xây dựng, mở rộng mạng lưới cấp nước cho thành phố Thái Bình, các thị trấn, các khu công nghiệp. Xây dựng, nâng cấp mạng lưới thoát nước của thành phố Thái Bình, các thị trấn.

- Xử lý cục bộ nước thải công nghiệp, bệnh viện trước khi đổ vào hệ thống thoát nước chung. Chú trọng đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải ở nông thôn nhất là cho các làng nghề, khu vực chăn nuôi công nghiệp.

c) Về thông tin liên lạc

- Phát triển ngành bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ theo tiêu chuẩn kỹ thuật số và tự động hóa nhằm đảm bảo thông tin thông suốt toàn tỉnh, gắn kết với mọi miền trong nước và nước ngoài. Phấn đấu năm 2015 mật độ điện thoại đạt 82 máy/100 dân.

- Tiến hành nâng cấp các thiết bị chuyển mạch hiện có với dung lượng là 387.061 lines, hiệu suất của mạng đạt 80%. Đảm bảo nhu cầu sử dụng và khả năng dự phòng của mạng. Lắp mới thêm các tổng đài truy nhập đa dịch vụ Multi-service Access tại các vị trí có mức độ tập trung lưu lượng lớn và có nhu cầu về dịch vụ mới tại trung tâm huyện, các khu, cụm công nghiệp, khu thương mại, các khu đô thị mới.

d) Về bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức cho mỗi người dân, doanh nghiệp về vấn đề bảo vệ môi trường, vệ sinh đô thị và nông thôn là giữ gìn sức khỏe, bảo vệ cuộc sống cho chính bản thân mình. Các cấp, các ngành phải quan tâm chỉ đạo, tiến hành thường xuyên liên tục và có biện pháp cụ thể.

- Thực hiện việc thẩm định phương án bảo vệ môi trường trước khi cấp giấy phép xây dựng. Kiên quyết không chấp nhận cho xây dựng các xí nghiệp, nhà máy có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm để bảo vệ môi trường. Xây dựng quy chế quản lý môi trường, quy định về tiêu chuẩn: tiếng ồn, thải khí độc hại, bụi...

V. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

1. Khu vực đô thị

- Phấn đấu đạt tỷ lệ đô thị hóa 20,2% vào năm 2015 và khoảng 34% vào năm 2020. Thực hiện quy hoạch đô thị và quản lý quy hoạch xây dựng đáp ứng yêu cầu

xây dựng đô thị văn minh, hiện đại. Phấn đấu diện tích nhà ở đô thị đến năm 2015 đạt 18 m^2 sàn/người, năm 2020 là 20 m^2 sàn/người.

- Nâng cao chất lượng nhà ở theo hướng tăng tỷ trọng nhà ở kiên cố lên 85% vào năm 2015 và 98% vào năm 2020. Từng bước sắp xếp, di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải của các làng nghề.

- Hướng xây dựng các đô thị đạt tiêu chuẩn về loại đô thị như sau:

Xây dựng thành phố Thái Bình với các chức năng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và đến năm 2015 trở thành đô thị loại II với quy mô diện tích như hiện nay. Xây dựng hệ thống đô thị là hạt nhân thúc đẩy và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xây dựng 4 đô thị trung tâm vùng cấp tỉnh: Thị trấn Diêm Điền (Thái Thụy), Khu du lịch Đồng Châu và khu vực Cồn Vành (Tiền Hải), thị trấn Hưng Nhân (Hưng Hà), thị trấn An Bài (Quỳnh Phụ) lên đô thị loại IV.

Quy hoạch đô thị trung tâm cấp huyện (thị trấn): Các thị trấn: Quỳnh Côi, An Bài, Đông Hưng, Tiên Hưng, Thanh Nê, Vũ Quý, Hưng Hà, Hưng Nhân, Tiền Hải, Nam Trung, Thái Ninh, Diêm Điền, Vũ Thư.

Nâng cấp một số xã thành đô thị loại V trực thuộc huyện: Các xã: Đông Đô, Thái Phương (Hưng Hà); xã Thụy Xuân (Thái Thụy); các xã: An Lễ, Quỳnh Giao (Quỳnh Phụ); xã Vũ Hội (Vũ Thư).

2. Quy hoạch khu dân cư nông thôn

- Đẩy mạnh công tác chỉnh trang, xây dựng lại nông thôn, xây dựng hạ tầng theo hướng đô thị hóa. Bố trí hợp lý hệ thống hạ tầng xã hội như: Khu vui chơi giải trí, thể thao, cây xanh, y tế, giáo dục, xử lý rác thải... đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân và đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý, hướng dẫn các gia đình xây dựng nhà ở, công trình phục vụ phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng trụ sở xã và khu trung tâm xã.

3. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên đến năm 2020 là 157.003 ha, trong đó:

- Diện tích đất nông nghiệp là 98.337,4 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 76.657,5 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp là 58.666 ha, trong đó: đất ở 14.017 ha, đất chuyên dùng 36.574,2 ha.

- Đưa toàn bộ diện tích đất chưa sử dụng (1.682 ha) vào sử dụng cho các mục đích phi nông nghiệp.

4. Phát triển một số tuyến trục kinh tế

Tuyến quốc lộ 10 từ Vũ Thư - thành phố Thái Bình đi Hải Phòng; tuyến thành phố Thái Bình - Đồng Châu và vùng phụ cận; tuyến Quốc lộ 39 từ cầu Triều Dương về thị trấn Đông Hưng; tuyến thành phố Thái Bình - Diêm Điền.

5. Về phát triển nông thôn mới

- Xây dựng mô hình nông thôn mới có nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội phát triển đồng bộ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, các tổ chức chính trị xã hội vững mạnh.

- Phấn đấu đến năm 2015 có 20% số xã trở lên đạt tiêu chuẩn nông thôn mới và đến năm 2020 Thái Bình trở thành tỉnh nông thôn mới, có nền nông nghiệp và công nghiệp theo hướng hiện đại.

6. Xây dựng Khu kinh tế ven biển Thái Bình

Tổng diện tích của Khu kinh tế ven biển Thái Bình là 30.583 ha; trong đó phần diện tích đất tự nhiên theo ranh giới các xã là 21.583 ha, phần diện tích đất ngập nước ven bờ khoảng 9.000 ha.

Giai đoạn 1 tập trung ưu tiên phát triển khu vực phía Đông của Quốc lộ ven biển với quy mô khoảng 10.000 ha nằm trong khu vực đất bãi bồi, không có dân cư, không có đất lúa. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế ven biển Thái Bình với các ngành công nghiệp gắn với biển (công nghiệp đóng tàu, sản xuất điện năng, chế biến thủy sản, sản xuất phân đạm, NH3, vật liệu xây dựng cao cấp, nguyên liệu cho ngành khai khoáng...); phát triển khu du lịch, cảng, khu phi thuế quan và khu dân cư đô thị.

Phấn đấu đến năm 2020 Khu kinh tế ven biển Thái Bình đóng góp khoảng 18 - 20% tổng thu nhập của cả tỉnh Thái Bình.

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn 2011 - 2020 là 282.100 tỷ đồng (giá năm 2009), trong đó giai đoạn 2011 - 2015 là 121.590 tỷ đồng.

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần có các giải pháp cụ thể để huy động cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển,

trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất, thu hút vốn từ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thu hút vốn bên ngoài, tranh thủ khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư tập trung của tỉnh theo các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn.

2. Phối hợp phát triển giữa Thái Bình với các tỉnh trong Vùng và cơ quan Trung ương:

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh trong Vùng: Xây dựng tuyến đường ven biển từ Thanh Hóa - Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; nâng cấp các quốc lộ 10, 39, 37; xây dựng cầu Hồng Quỳnh, cầu Hồng Tiến, cầu An Khê, cầu Sa Cao...

Hợp tác trong lĩnh vực thương mại, du lịch: Xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại... chung cho cả vùng.

Phối hợp nâng cao năng lực khai thác, năng lực tưới, tiêu của hệ thống thủy nông có liên quan giữa các tỉnh.

Hợp tác trong lĩnh vực đào tạo - nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; trong lĩnh vực y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học.

3. Phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo và sức khỏe cho người lao động. Xây dựng con người Thái Bình năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới.

Có cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo nhất là đào tạo đội ngũ công chức, công nhân và lao động kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia về công nghệ và quản lý, đội ngũ các doanh nhân.

Thực hiện chính sách để thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật đến công tác và làm việc lâu dài ở Thái Bình, đồng thời đẩy nhanh tốc độ đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phù hợp với cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý Nhà nước. Chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ cho sản xuất kinh doanh.

4. Phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Có các biện pháp gắn phát triển khoa học và công nghệ với sản xuất; ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và tin học vào sản xuất.

Đẩy mạnh ứng dụng các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, khả năng chịu bệnh tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh. Hợp tác và liên kết Nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông trong phát triển nông nghiệp. ứng dụng công nghệ tiên tiến trong các khâu chế biến nông thủy sản.

5. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính một cách triệt để, thông thoáng tạo điều kiện tốt nhất cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp.

6. Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh quốc phòng.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong quá trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Khi xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội cần tính toán đến kế hoạch bảo vệ và duy trì hoạt động để chuyển hướng phục vụ cho quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Chú trọng phát triển kinh tế kết hợp với phục vụ, đáp ứng kịp thời tăng tiềm lực quốc phòng trên các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, bưu chính viễn thông, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi.

VII. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Phụ lục đính kèm)

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ.

3. Các cáp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên

ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình căn cứ vào Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Thái Bình trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ Tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; đẩy nhanh việc thực hiện đầu tư các công trình, dự án có quy mô, tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ Quyết định số 262/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục
A	**Dự án do các Bộ, ngành quản lý, đầu tư trên địa bàn tỉnh**
1	Dự án Trung tâm điện lực Thái Bình
2	Dự án xây dựng đường ống dẫn khí từ Vịnh Bắc Bộ vào Tiền Hải, Thái Bình
3	Dự án thăm dò khai thác thử nghiệm than nâu
4	Dự án nhà máy phong điện Tiền Hải
5	Dự án Quốc lộ ven biển, Quốc lộ 37 và cầu sông Hóa, Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, quốc lộ 39A từ cầu Triều Dương - Diêm Điền
6	Dự án cầu Trà Linh
B	**Dự án do tỉnh quản lý**
I	**Dự án đầu tư từ nguồn vốn Trung ương**
1	Xây dựng tuyến đường bộ Thái Bình - Hà Nam, nối với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và cầu Thái Hà (vượt sông Hồng)
2	Cải tạo, nâng cấp đường 39B (Thanh Nê - Diêm Điền); đường 454 (tỉnh lộ 223 cũ) và cầu Tịnh Xuyên, đường 457 (đường 222 cũ); cầu Sa Cao
3	Xây dựng đường tránh trú bão, cứu hộ, cứu nạn phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển phía Nam (đường 221A cũ); đường tránh trú bão Quang Bình - Quang Minh - Minh Tân - Bình Thanh (Kiến Xương); ĐH72, ĐH 91; đường 221D
4	Xây dựng công trình kè chắn cát ổn định luồng vào cảng Diêm Điền
5	Xây dựng cảng sông Trà Lý; cảng Tân Đệ, cảng sông Thành phố
6	Nâng cấp hệ thống đê biển (Đê 5,6,7,8); đê sông Hồng, sông Trà Lý, sông Luộc, sông Hóa
7	Xây dựng đập ngăn mặn sông Hóa và sông Trà Lý
8	Di dân đối phó với biến đổi khí hậu do nước biển dâng
9	Dự án trồng rừng chắn sóng ven biển

STT	Danh mục
10	Củng cố nâng cấp đê, kè và đường cứu hộ đê hữu và đê tả sông Trà Lý (đoạn K30 -K40); công trình thủy lợi cấp III
11	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Cửa Lân (quy mô: 300 tàu cá); cửa sông Trà Lý; khu neo đậu tránh trú bão và cảng cá tại xã Thái Thượng
12	Xây dựng bến cá Vĩnh Trà, bến cá Thái Đô; mở rộng cảng cá Tân Sơn
13	Kè và làm đường, hệ thống thoát nước hai bên sông Gú (Diêm Điền), sông Thống Nhất (Đông Hưng); nạo vét và cải tạo sông Bạch, sông 3/2 (Thành phố), sông Yên Lộng (Quỳnh Phụ); sông Kiên Giang, sông Hoàng Giang (Kiến Xương), sông Cổ Rồng (Tiền Hải).
14	Cải tạo, nâng cấp các trạm bơm Quỳnh Hoa, Nguyễn Tiến Đoài, Tịnh Xuyên, Thái Học
15	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 1.000 giường
16	Xây dựng nhà ở xã hội và nhà ở sinh viên
17	Trường Đại học đa ngành Thái Bình (trên cơ sở Trường cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Thái Bình)
18	Xây dựng, tăng cường năng lực các đồn biên phòng; Kho vũ khí quân sự; xây dựng cầu cảng kiểm soát tại Diêm Điền
19	Dự án mở rộng Trường quân sự thành Khu Trung tâm giáo dục quốc phòng của tỉnh; mở rộng trường dạy nghề quân đội 19
20	Xây dựng Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng người có công tỉnh Thái Bình
21	Xây dựng Trung tâm giống cây trồng, giống chăn nuôi, Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
II	**Dự án đầu tư từ nguồn Trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương**
1	Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Gia Lễ; Khu Kinh tế ven biển Thái Bình
2	Xây dựng đường vành đai phía Nam Thành phố; đường cơ đê Trà Lý (từ cầu Hòa Bình đến cầu Độc Lập); nút giao thông Phúc Khánh
3	Cải tạo, nâng cấp đường 452 (đường 224 cũ), đường 396B (đường 217 cũ), đường từ đường vành đai phía nam đến Trà Lý, đường 455 (đường 216 cũ), đường từ quốc lộ 39 đến Trung tâm điện lực Thái Bình, đường Trần Lãm, đường từ đường Long Hưng đi Đông Thọ (Thành phố), đường từ Thành phố đi Vũ Đông

STT	Danh mục
4	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông nông thôn
5	Cải tạo, xây dựng hồ Ty Diệu; hồ Kỳ Bá
6	Mở rộng, nâng cấp nhà máy xử lý rác thải rắn tại thành phố Thái Bình
7	Xây dựng lò xử lý rác thải xây dựng của tỉnh và rác thải các thị trấn, các làng nghề; xử lý nước thải Thành phố, các thị trấn và các bệnh viện
8	Di dời các cơ sở SXKD gây ô nhiễm môi trường nằm xen trong khu dân cư ra KCN
9	Kiên cố hóa trường lớp học; đầu tư tăng cường CSVC các trường Cao đẳng sư phạm, Cao đẳng Y tế, Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật, Trung cấp Nông nghiệp, Trung cấp nghề tỉnh, Trung cấp nghề thủ công mỹ nghệ, Trung tâm hỗ trợ đào tạo, dạy nghề, cung ứng lao động, giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động và Trung tâm dạy nghề các huyện, thành phố.
10	Xây dựng nông thôn mới trong toàn tỉnh và cơ sở hạ tầng nông thôn 52 xã nghèo
11	Dự án xây dựng trường điểm dạy nghề cho lao động nông thôn
12	Xây dựng các cống dưới đê, trạm bơm (cống Dục Dương, cống Đại Nẫm, trạm bơm Đông Tây Sơn…)
13	Xây dựng Trụ sở Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và Trung tâm lưu trữ, 4 chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các trụ sở xã
14	Tu bổ, tôn tạo Đền thờ các vua Trần và di tích lịch sử thời Trần; Khu lưu niệm Bác Hồ (Tân Hòa - Vũ Thư), Nguyễn Đức Cảnh (Thái Thụy), nhà Bác học Lê Quý Đôn (Hưng Hà), Khu di tích lịch sử đền Tiên La, đình, đền, chùa Bình Cách (Đông Hưng), Chùa Keo…
15	Xây dựng Khu Liên hợp thể thao tỉnh, Trung tâm huấn luyện vận động viên thành tích cao
16	Xây dựng Trung tâm thương mại và hội chợ triển lãm vùng Đồng bằng sông Hồng
17	Xây dựng các bệnh viện: Tâm Thần, Nhi, Mắt, Lao phổi, Y học cổ truyền, Phong - Da liễu Văn Môn, Trung tâm 05 - 06; nâng cao năng lực Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, huyện

STT	Danh mục
18	Xây dựng Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, trụ sở Báo Thái Bình, Hội VHNT, Hội Liên hiệp KHKT tỉnh Thái Bình
III	**Dự án đầu tư từ vốn địa phương**
1	Bệnh viện Phụ sản tỉnh; Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
2	Dự án đầu tư xây dựng Đài hóa thân hoàn vũ tỉnh Thái Bình
3	Xây dựng Khu vui chơi giải trí Thành phố Thái Bình
4	Nâng cấp các Trường THPT
5	Xây dựng Công viên Hoàng Diệu; Công viên Kỳ Bá
C	**Dự án kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư**
1	Xây dựng hạ tầng KCN hiện có: Tiền Hải, cầu Nghìn, Sông Trà
2	Xây dựng hạ tầng KCN mới: Sơn Hải, Đức Hiệp Hưng, Thụy Trường, Thụy Hải, Thụy Hà, Thái Thượng, Đông Hoàng, Hồng Hưng
3	Xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp
4	Xây dựng hạ tầng các khu dân cư: Đồng Bến (Quỳnh Phụ), Nguyễn Đức Cảnh (Thái Thụy), Trái Diêm (Tiền Hải), Khu dân cư Thị trấn Đông Hưng, Thành phố Thái Bình…
5	Xây dựng khu tái định cư xã Tân Lập, huyện Vũ Thư
6	Xây dựng các khu đô thị thành phố Thái Bình
7	Nhà máy bia Thái Bình; 100 triệu lít/năm
8	Dự án chế biến thịt gia súc, gia cầm
9	Dự án nhà máy sản xuất rượu, 30 triệu lít/năm
10	Dự án chế biến khoai tây, rau quả xuất khẩu
11	Dự án chế biến dầu thực vật từ đậu tương
12	Dự án sản xuất nước hoa quả, sữa đậu nành
13	Dự án sản xuất thiết bị điện, điện tử công nghiệp
14	Cụm công nghiệp sửa chữa, lắp ráp ô tô Hoàng Tân
15	Nhà máy sản xuất sô đa
16	Nhà máy sản xuất gạch không nung từ xỉ than

STT	Danh mục
17	Dự án sản xuất nhựa dân dụng và công nghiệp
18	Nhà máy sản xuất phân vi sinh từ rơm rạ
19	Nhà máy sản xuất phân đạm và NH3
20	Nhà máy sản xuất phụ liệu ngành may (khóa, cúc, chỉ may…)
21	Nhà máy sản xuất giầy da cao cấp và giầy thể thao
22	Dự án sản xuất hàng cách nhiệt từ sợi thủy tinh
23	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm tỉnh Thái Bình
24	Phát triển chăn nuôi trang trại tại 8 huyện, thành phố
25	Dự án chăn nuôi lợn ở 8 huyện, thành phố
26	Đầu tư xây dựng Khu du lịch phố biển Đồng Châu, Cồn Vành, Cồn Đen
27	Trung tâm y dược chất lượng cao Thái Bình

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên, sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn./.